

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**
Số: 07/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 07 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Đoàn Thị Thanh T sinh năm 1985

Anh Phan Quốc B sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Đội 4, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị Thanh T và anh Phan Quốc B tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2005. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, chị T và anh B không đồng ý đoàn tụ mà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện ly hôn của chị T và anh B phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] *Về con chung*: Chị Đoàn Thị Thanh T và anh Phan Quốc B có bốn con chung là cháu Phan Đình L, sinh ngày 28/3/2005; cháu Phan Ngọc Gia H, sinh ngày 02/3/2012; cháu Phan Gia H1, sinh ngày 26/12/2016 và cháu Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 29/6/2020. Khi ly hôn, chị T và anh B thỏa thuận giao bốn con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) (750.000 đồng/cháu/tháng) cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Việc thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh B phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Chị Đoàn Thị Thanh T và anh Phan Quốc B tự nguyện chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 30 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Thanh T và anh Phan Quốc B.

- *Về con chung*: Giao cháu Phan Đình L, sinh ngày 28/3/2005; cháu Phan Ngọc Gia H, sinh ngày 02/3/2012; cháu Phan Gia H1, sinh ngày 26/12/2016 và cháu Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 29/6/2020 cho chị Đoàn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Phan Quốc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) (750.000 đồng/cháu/tháng) cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Phan Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Đoàn Thị Thanh T và anh Phan Quốc B mỗi người tự nguyện chịu số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sang nộp lệ phí theo biên lai thu số 0003365 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Đoàn Thị Thanh T và anh Phan Quốc B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã C, huyện T;
(GCNKH số 85, quyền số 01/2005)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thùy Trang